

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**QUÝ 1 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2025 | 5 - 8 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 9 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 10 - 11 |
| 6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 12 - 34 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Trước đó, Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-YS ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa chính thức hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478 dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 09 tháng 9 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 04 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã dự án số 8277434113, chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3745 601
- Fax : 0258 3745 605

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|--|---|
| Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng Yến sào Vĩnh Diêm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện | Lô 7-9 Đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 18 Thái Nguyên – Nha Trang – Khánh Hòa | Số 18 Thái Nguyên, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang | Số 68 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest | Số 14 Trần Hưng Đạo, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng Yến sào Suối Hiệp | Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa |
| Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest | Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------------|------------|--|
| Ông Nguyễn Khoa Bảo | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024 |
| Bà Trịnh Thị Hồng Vân | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2025 |
| Ông Lê Hồng Thuận | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Vương Phạm Phương Thanh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Huỳnh Đức Trọng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2024 |
| Bà Phan Thị Giang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2025 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Vũ Trần Nguyên Minh | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Hồ Hải | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Phạm Duy Hưng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2021 |

Ban điều hành

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------------|
| Bà Phan Thị Giang | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024 |
| Ông Phạm Quốc Hùng | Phó Tổng Giám đốc thường trực | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024 |
| Bà Phạm Thị Thu Huyền | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024 |
| Ông Đặng Minh Thích | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2025 |
| Bà Phạm Thị Duy Trinh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2024 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Khoa Bảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 1 của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 25 tháng 4 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 599,320,766,216 | 658,788,136,649 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 114,279,242,980 | 107,665,995,286 |
| 1. Tiền | 111 | | 88,405,235,337 | 82,062,018,369 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 25,874,007,643 | 25,603,976,917 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 40,478,360,548 | 39,600,000,000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 40,478,360,548 | 39,600,000,000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 142,697,661,709 | 181,359,405,979 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 131,835,597,797 | 170,804,754,630 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 7,972,625,598 | 7,691,517,985 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 2,889,438,314 | 2,863,133,364 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 289,268,866,156 | 321,923,828,725 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 289,268,866,156 | 321,923,828,725 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 12,596,634,823 | 8,238,906,659 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 1,423,462,114 | 1,572,975,596 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 11,173,172,709 | 6,665,931,063 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 155,270,848,463 | 164,219,835,060 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 339,000,000 | 339,000,000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 339,000,000 | 339,000,000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 108,269,199,693 | 112,934,131,978 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 102,833,628,693 | 107,498,560,978 |
| - Nguyên giá | 222 | | 233,554,334,307 | 233,554,334,307 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (130,720,705,614) | (126,055,773,329) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 5,435,571,000 | 5,435,571,000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 5,660,571,000 | 5,660,571,000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (225,000,000) | (225,000,000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 275,613,889 | 228,125,000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 275,613,889 | 228,125,000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 46,387,034,881 | 50,718,578,082 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 46,387,034,881 | 50,718,578,082 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 754,591,614,679 | 823,007,971,709 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 356,113,751,083 | 444,431,008,248 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 356,113,751,083 | 444,431,008,248 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 114,523,934,736 | 165,550,607,268 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 9,603,723,479 | 260,080,813 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 1,869,670,676 | 1,322,096,472 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 22,629,225,442 | 60,954,938,185 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 9,540,859,350 | 19,922,965,189 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 5,715,831,014 | 5,988,083,736 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | 188,707,430,470 | 183,352,833,967 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 3,523,075,916 | 7,079,402,618 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

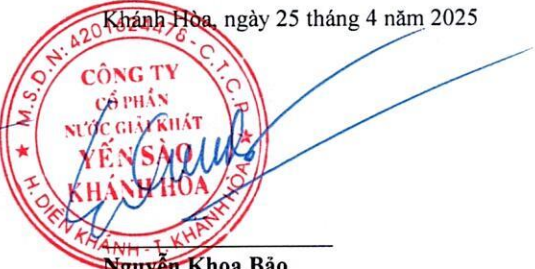
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 398,477,863,596 | 378,576,963,461 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 398,476,474,502 | 378,575,574,367 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.19 | 230,000,000,000 | 230,000,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 230,000,000,000 | 230,000,000,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.19 | 3,350,161,370 | 3,350,161,370 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.19 | 78,700,863,295 | 78,638,780,451 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.19 | 86,425,449,837 | 66,586,632,546 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 66,586,632,546 | 66,586,632,546 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 19,838,817,291 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 1,389,094 | 1,389,094 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | V.20 | 1,389,094 | 1,389,094 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 754,591,614,679 | 823,007,971,709 |

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2025


Phạm Thị Duy Trinh
 Người lập/Kế toán trưởng


Phan Thị Giang
 Tổng Giám đốc


Nguyễn Khoa Bảo
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


(Dạng đầy đủ)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 364,393,531,605 | 361,151,318,174 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 364,393,531,605 | 361,151,318,174 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 294,928,489,918 | 288,216,635,562 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 69,465,041,687 | 72,934,682,612 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 441,291,775 | 302,256,898 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 1,918,061,106 | 2,154,564,370 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1,822,067,754 | 1,422,626,436 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 27,037,790,235 | 30,028,771,512 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 15,587,067,816 | 17,471,362,859 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 25,363,414,305 | 23,582,240,769 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 308,017,353 | 210,804,205 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 226,342,000 | 28,848,014 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 81,675,353 | 181,956,191 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 25,445,089,658 | 23,764,196,960 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 5,233,775,305 | 4,752,839,392 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 20,211,314,353 | 19,011,357,568 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 20,211,314,353 | 19,011,357,568 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 865 | 821 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 865 | 821 |


Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng


Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2025


Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 25,445,089,658 | 23,764,196,960 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8, V.9 | 4,664,932,285 | 4,148,613,587 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (334,442,215) | (275,718,718) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 1,822,067,754 | 1,422,626,436 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 31,597,647,482 | 29,059,718,265 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 29,286,487,292 | 64,976,445,019 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | V.6 | 32,654,962,569 | 72,283,788,030 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (89,768,907,697) | (197,221,218,031) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | V.7 | 4,481,056,683 | 1,778,134,675 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.5 | (1,822,067,754) | (1,422,626,436) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (775,403,475) | (1,919,121,218) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.20 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.18, V.20 | (3,866,740,920) | (4,379,409,300) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 1,787,034,180 | (36,844,288,996) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.8, V.10 VII | (819,861,916) | (12,297,710,815) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2 | (878,360,548) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.4, V.5a | 1,169,839,475 | 275,718,718 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (528,382,989) | (12,021,992,097) |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

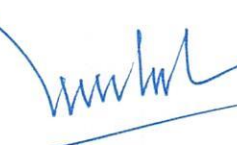
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17 | 157,138,822,218 | 191,643,019,595 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (151,784,225,715) | (161,689,720,517) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 5,354,596,503 | 29,953,299,078 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 6,613,247,694 | (18,912,982,015) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 107,665,995,286 | 96,400,642,547 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 114,279,242,980 | 77,487,660,532 |


Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng


Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2025


Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Tất cả các Công ty con đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|--|
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa | Lô NM5, NM6 đường số 1, cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa | Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam | Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | Quốc lộ 1A, thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến |

Tỷ lệ đăng ký vốn góp, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty con là 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Nhà máy Chế biến Nguyên liệu Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | Lô TP4, cụm công nghiệp Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa |

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có tổ chức kế toán

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Cửa hàng Yến sào Vĩnh Diễm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiêm Văn phòng đại diện | Lô 7-9 đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diễm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 18 Thái Nguyên – Nha Trang – Khánh Hòa | Số 18 Thái Nguyên, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang | Số 68 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |
| Trung tâm giới thiệu sản phẩm Yến sào Sanvinest | Số 14 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có 1.155 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.299 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 20 |
| Máy móc và thiết bị | 06 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 06 – 08 |
| Tài sản cố định khác | 06 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Tập đoàn không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 4.781.764.435 | 6.159.269.591 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 83.623.470.902 | 75.902.748.778 |
| Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 25.874.007.643 | 25.603.976.917 |
| Cộng | 114.279.242.980 | 107.665.995.286 |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn | 40.478.360.548 | 40.478.360.548 | 39.600.000.000 | 39.600.000.000 |
| Cộng | 40.478.360.548 | 40.478.360.548 | 39.600.000.000 | 39.600.000.000 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 111.589.075.129 | 113.052.234.246 |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 111.180.591.525 | 113.011.089.702 |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 39.033.360 | 9.851.760 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 226.366.380 | - |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan | 83.595.240 | - |
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | 49.488.624 | 31.292.784 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | 10.000.000 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 20.246.522.668 | 57.752.520.384 |
| Các khách hàng khác | 20.246.522.668 | 57.752.520.384 |
| Cộng | 131.835.597.797 | 170.804.754.630 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng CIC | 3.689.396.500 | 3.689.396.500 |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị PCCC&CNCH Khánh Hòa | 2.478.000.000 | 2.478.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.805.229.098 | 1.524.121.485 |
| Cộng | 7.972.625.598 | 7.691.517.985 |

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 1.617.432.011 | - | 1.149.374.391 | - |
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa | 115.705.638 | - | 68.049.961 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | - | - | 835.397.260 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Các khoản phải thu khác | 1.156.300.665 | - | 810.311.752 | - |
| Cộng | 2.889.438.314 | - | 2.863.133.364 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác.

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 163.453.181.428 | - | 179.405.247.043 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 75.927.755.277 | - | 77.698.163.276 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4.874.776.640 | - | 3.692.448.337 | - |
| Thành phẩm | 25.006.322.346 | - | 26.043.548.566 | - |
| Hàng hóa | 14.251.441.994 | - | 25.288.789.195 | - |
| Hàng gửi đi bán | 5.755.388.471 | - | 9.795.632.308 | - |
| Cộng | 289.268.866.156 | - | 321.923.828.725 | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 916.663 | 7.834.691 |
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 1.422.545.451 | 1.565.140.905 |
| Cộng | 1.423.462.114 | 1.572.975.596 |

7b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi thế kinh doanh | 13.437.787.463 | 15.810.691.396 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 4.708.179.939 | 5.551.493.365 |
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 24.533.379.353 | 24.967.098.740 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 3.207.115.750 | 3.802.576.063 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 500.572.376 | 586.718.518 |
| Cộng | 46.387.034.881 | 50.718.578.082 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 70.531.190.133 | 135.780.987.226 | 24.207.082.954 | 2.411.922.976 | 623.151.018 | 233.554.334.307 |
| Số cuối kỳ | 70.531.190.133 | 135.780.987.226 | 24.207.082.954 | 2.411.922.976 | 623.151.018 | 233.554.334.307 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | 8.470.947.202 | 35.786.597.725 | 13.845.219.332 | 377.711.167 | - | 58.480.475.426 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 19.502.314.652 | 85.888.576.358 | 19.340.045.571 | 1.069.358.031 | 255.478.717 | 126.055.773.329 |
| Khấu hao trong năm | 1.073.337.530 | 2.843.434.051 | 655.090.389 | 68.040.635 | 25.029.680 | 4.664.932.285 |
| Số cuối kỳ | <u>20.575.652.182</u> | <u>88.732.010.409</u> | <u>19.995.135.960</u> | <u>1.137.398.666</u> | <u>280.508.397</u> | <u>130.720.705.614</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 51.028.875.481 | 49.892.410.868 | 4.867.037.383 | 1.342.564.945 | 367.672.301 | 107.498.560.978 |
| Số cuối kỳ | <u>49.955.537.951</u> | <u>47.048.976.817</u> | <u>4.211.946.994</u> | <u>1.274.524.310</u> | <u>342.642.621</u> | <u>102.833.628.693</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 5.435.571.000 | 225.000.000 | 5.660.571.000 |
| Số cuối kỳ | <u>5.435.571.000</u> | <u>225.000.000</u> | <u>5.660.571.000</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | - | 225.000.000 | 225.000.000 |
| Chờ thanh lý | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 225.000.000 | 225.000.000 |
| Số cuối kỳ | - | <u>225.000.000</u> | <u>225.000.000</u> |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 5.435.571.000 | - | 5.435.571.000 |
| Số cuối kỳ | <u>5.435.571.000</u> | - | <u>5.435.571.000</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Số cuối kỳ |
|-------------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 228.125.000 | 47.488.889 | 275.613.889 |
| - Các công trình khác | 228.125.000 | 47.488.889 | 275.613.889 |
| Cộng | <u>228.125.000</u> | <u>47.488.889</u> | <u>275.613.889</u> |

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 26.289.066.491 | 26.624.597.648 |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 4.034.547.976 | 4.011.688.000 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | 19.270.125.230 | 20.253.708.938 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | 2.229.265.649 | 1.840.608.119 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà | 130.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| hàng Yến sào Khánh Hòa | | |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | 3.847.500 | 282.997.500 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | 621.280.136 | 235.595.091 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 88.234.868.245 | 138.926.009.620 |
| Hanil Can Company Limited | 12.800.860.956 | - |
| Công ty TNHH NHT | 4.997.303.504 | 26.390.533.669 |
| Công ty TNHH 79 Ngô Gia Tự | 13.989.176.446 | 19.992.896.240 |
| Các nhà cung cấp khác | 56.447.527.339 | 92.542.579.711 |
| Cộng | 114.523.934.736 | 165.550.607.268 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Hộ Kinh doanh Phan Thị Thu Thủy | 2.206.322.821 | - |
| Các khách hàng khác | 7.397.400.658 | 260.080.813 |
| Cộng | 9.603.723.479 | 260.080.813 |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 935.844.267 | 1.958.178.493 | 9.684.899.855 | (18.351.653.260) | 711.940.918 | 10.401.028.549 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 1.773.668.239 | (1.773.668.239) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 386.252.205 | 4.012.762.072 | 5.233.775.305 | (775.403.475) | 831.861.963 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 694.990.498 | 3.666.269.580 | (3.417.555.447) | 325.867.795 | 772.144.160 |
| Thuế tài nguyên | - | - | 3.228.000 | (3.228.000) | - | - |
| Lệ phí môn bài | - | - | 17.000.000 | (17.000.000) | - | - |
| Cộng | 1.322.096.472 | 6.665.931.063 | 20.378.840.979 | (24.338.508.421) | 1.869.670.676 | 11.173.172.709 |

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%
- Hàng hóa khác : 10%

Đối với hàng nông sản chưa qua chế biến tiêu thụ trong khâu thương mại thì không kê khai, chịu thuế GTGT.

Thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương còn phải trả cho người lao động | 22.629.225.442 | 60.954.938.185 |
| Cộng | 22.629.225.442 | 60.954.938.185 |

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Chi phí trả thưởng | 6.808.206.650 | 17.160.354.000 |
| Chi phí vận chuyển | 2.732.652.700 | 2.762.611.189 |
| Cộng | 9.540.859.350 | 19.922.965.189 |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | 41.920.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | - | 41.920.000 |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 5.715.831.014 | 5.946.163.736 |
| Kinh phí công đoàn | 4.193.397.741 | 3.788.591.639 |
| Cổ tức phải trả | 2.862.581 | 2.862.581 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.519.570.692 | 2.154.709.516 |
| Cộng | 5.715.831.014 | 5.988.083.736 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾ | 32.211.075.162 | 17.236.076.597 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾ | 116.601.849.680 | 97.536.164.256 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 39.894.505.628 | 68.580.593.114 |
| Cộng | 188.707.430.470 | 183.352.833.967 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.

Các khoản vay trên không có tài sản thế chấp.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

| | Kỳ này |
|--------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 183.352.833.967 |
| Số tiền vay phát sinh trong kỳ | 157.138.822.218 |
| Số tiền vay đã trả trong kỳ | (151.784.225.715) |
| Số cuối kỳ | 188.707.430.470 |

Tập đoàn không có vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối kỳ |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6.324.552.579 | 310.414.218 | (3.111.890.881) | 3.523.075.916 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 754.850.039 | - | (754.850.039) | - |
| Cộng | 7.079.402.618 | 310.414.218 | (3.866.740.920) | 3.523.075.916 |

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 58.010.421.630 | 106.784.504.444 | 398.145.087.444 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | 19.011.357.568 | 19.011.357.568 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển trong kỳ trước | - | - | 63.539.539 | (63.539.539) | - |
| Trích quỹ khen thưởng trong kỳ trước | - | - | - | (127.079.078) | (127.079.078) |
| Số dư cuối kỳ trước | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 58.073.961.169 | 125.605.243.395 | 417.029.365.934 |
| Số dư đầu năm nay | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 78.638.780.451 | 66.586.632.546 | 378.575.574.367 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 20.211.314.353 | 20.211.314.353 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận kỳ này tại công ty con | - | - | 62.082.844 | (62.082.844) | - |
| Trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận kỳ này tại công ty con | - | - | - | (310.414.218) | (310.414.218) |
| Số dư cuối năm nay | <u>230.000.000.000</u> | <u>3.350.161.370</u> | <u>78.700.863.295</u> | <u>86.425.449.837</u> | <u>398.476.474.502</u> |

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 117.300.000.000 | 117.300.000.000 |
| Các cổ đông khác | 112.700.000.000 | 112.700.000.000 |
| Cộng | <u>230.000.000.000</u> | <u>230.000.000.000</u> |

19c. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 23.000.000 | 23.000.000 |

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, công ty con đã phân phối lợi nhuận năm 2025, chi tiết như sau:

| | Số tiền (VND) |
|-----------------------------------|---------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 62.082.844 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 310.414.218 |

20. Nguồn kinh phí

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 1.389.094 | 1.389.094 |
| Số cuối kỳ | <u>1.389.094</u> | - |

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 318,869.17 USD (số đầu năm là 110,578.69 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm | 362.491.182.284 | 358.317.437.586 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.892.529.321 | 2.833.880.588 |
| Doanh thu khác | 9.820.000 | - |
| Cộng | 364.393.531.605 | 361.151.318.174 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 251.713.536.640 | 214.685.906.097 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | 23.993.675.200 | 7.134.725.350 |
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | 97.561.500 | 38.762.791 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 262.718.500 | 296.709.950 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | 101.650.800 | 538.612.300 |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 132.237.000 | 550.451.200 |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan | 365.830.000 | 236.962.700 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | 21.212.458 | - |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán | 293.757.552.135 | 286.736.549.362 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.170.937.783 | 1.480.086.200 |
| Cộng | 294.928.489.918 | 288.216.635.562 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 334.442.215 | 275.718.718 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 106.849.560 | 26.538.180 |
| Cộng | 441.291.775 | 302.256.898 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 1.822.067.754 | 1.422.626.436 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 95.993.352 | 731.937.934 |
| Cộng | 1.918.061.106 | 2.154.564.370 |
| 5. Chi phí bán hàng | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 8.148.281.587 | 7.200.646.479 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 188.822.723 | 1.408.096.708 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.451.632.321 | 300.648.731 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 285.114.714 | 279.983.263 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.707.462.090 | 8.469.557.307 |
| Các chi phí khác | 4.256.476.800 | 12.369.839.024 |
| Cộng | 27.037.790.235 | 30.028.771.512 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 9.850.151.692 | 10.439.931.967 |
| Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ | 1.034.489.345 | 1.576.881.806 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 439.546.250 | 380.529.352 |
| Thuế, phí, lệ phí | 8.000.000 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.425.291.661 | 4.996.379.734 |
| Các chi phí khác | 829.588.868 | 77.640.000 |
| Cộng | 15.587.067.816 | 17.471.362.859 |
| 7. Thu nhập khác | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Hàng thừa kiểm kê | 217.236.550 | 34.354.977 |
| Hàng hóa được biểu, tặng | - | 128.723.604 |
| Thu nhập khác | 90.780.803 | 47.725.624 |
| Cộng | 308.017.353 | 210.804.205 |
| 8. Chi phí khác | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí khác | 226.342.000 | 28.848.014 |
| Cộng | 226.342.000 | 28.848.014 |
| 9. Lãi trên cổ phiếu | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh | 20.211.314.353 | 19.011.357.568 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| nghiep của cổ đông công ty mẹ | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành | (310.414.218) | (127.079.078) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 19.900.900.135 | 18.884.278.490 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 865 | 821 |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 187.828.436.980 | 203.217.787.649 |
| Chi phí nhân công | 55.423.700.499 | 53.978.700.667 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.661.858.953 | 4.145.540.255 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.359.612.397 | 16.850.926.904 |
| Chi phí khác | 5.212.968.282 | 13.281.963.885 |
| Cộng | 272.486.577.111 | 291.474.919.360 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|---------------|---------------|
| Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định | 6.457.389.235 | 6.477.245.235 |
| Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định | 758.841.007 | 1.551.070.034 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Tiền lương | Thưởng | Thù lao | Cộng thu nhập |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 58.000.000 | 30.800.000 | 88.800.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 52.200.000 | 24.080.000 | 76.280.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | - | 24.080.000 | 24.080.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 49.000.000 | 24.080.000 | 73.080.000 |
| Tổng Giám đốc -Thành viên Hội đồng quản trị | 144.480.000 | 109.404.000 | - | 253.884.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 123.900.000 | 84.984.000 | - | 208.884.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 123.900.000 | 96.010.000 | - | 219.910.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 123.900.000 | 78.735.000 | - | 202.635.000 |
| Trưởng Ban kiểm soát | 130.620.000 | 101.326.000 | - | 231.946.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | - | 21.840.000 | 21.840.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | 51.186.000 | 51.965.000 | 21.840.000 | 124.991.000 |
| Kế toán trưởng | 105.127.000 | 74.696.000 | - | 179.823.000 |
| Cộng | 803.113.000 | 756.320.000 | 146.720.000 | 1.706.153.000 |
| Năm trước | | | | |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 130.187.000 | 45.000.000 | 175.187.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 32.500.000 | 35.400.000 | 67.900.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 17.000.000 | 35.400.000 | 52.400.000 |
| Tổng Giám đốc -Thành viên Hội đồng quản trị | 206.400.000 | 156.181.000 | - | 362.581.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 177.000.000 | 144.709.000 | - | 321.709.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 177.000.000 | 143.209.000 | - | 320.209.000 |
| Phó Tổng Giám đốc | 177.000.000 | 143.209.000 | - | 320.209.000 |
| Phó Tổng Giám đốc-Thành viên Hội đồng quản trị | 177.000.000 | 143.209.000 | - | 320.209.000 |
| Trưởng Ban kiểm soát | 181.800.000 | 150.577.000 | - | 332.377.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | - | 35.400.000 | 35.400.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | 47.848.000 | 112.712.000 | 35.400.000 | 195.960.000 |
| Kế toán trưởng | 150.912.000 | 115.591.000 | - | 266.503.000 |
| Cộng | 1.294.960.000 | 1.289.084.000 | 186.600.000 | 2.770.644.000 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa | Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Fishsan | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | Công ty do Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 37.151.594.799 | 9.845.641.920 |
| Chi phí dịch vụ | 599.700.280 | 363.782.221 |
| Chi phí bán hàng | 7.369.605.198 | - |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 23.077.455.100 | 8.398.414.076 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 588.097.326 | 552.596.623 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | | |
| Chi phí mua hàng hóa | 33.611.112 | 39.456.481 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | | |
| Công ty mua nhiên liệu | 3.607.957.438 | 4.391.871.075 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

**Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và
Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa**

Chi phí sử dụng dịch vụ

59.481.194

10.906.163

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa

8.156.111

-

**Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh
Hòa**

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa

-

6.971.482

**Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng
Sanatech Land**

Công ty mua hàng hóa

-

23.411.112

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán, chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 4 năm 2025



Phạm Thị Duy Trinh
Người lập/Kế toán trưởng



Phan Thị Giang
Tổng Giám đốc



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật